

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/DS-PT

Ngày 17 - 5 - 2018

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Trung

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2018/TLPT- DS, ngày 09/02/2018 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1952 (vắng mặt);

2. Bà Lưu Thị Bé N, sinh năm 1957 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn S: Bà Lưu Thị Bé N, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2016)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 (có mặt);

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1954 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968;

4. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp A2, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp A2, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2018, có mặt).

5. Ông Võ Văn H, sinh năm 1950;

6. Anh Võ Văn S, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp A2, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn H, anh Nguyễn Văn S: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp A2, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2018, có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn S và bà Lưu Thị Bé N trình bày:*

Vợ chồng ông bà có thửa đất số 442, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.160 m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp A2, xã, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thửa đất này ngày 22/11/1995 Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông S đứng tên đại diện hộ. Quá trình sử dụng đất, ông bà có làm hàng rào bằng trụ đá, kéo lưới kẽm gai xung quanh và trồng các loại cây như: Dừa, dái ngựa, chuối cây, tre và một số loại cây khác.

Ngày 15 và ngày 17 tháng 8 năm 2015, 06 bị đơn gồm: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V, ông Võ Văn H và anh Võ Văn S đến phân đất trên đập phá hàng rào và chặt phá cây cối trên đất, gây thiệt hại cho ông bà các tài sản gồm: 02 cây dái ngựa 29 năm tuổi, 07 cây dái ngựa 12 năm tuổi, 08 cây dái ngựa 09 năm tuổi, 14 cây dái ngựa 03 năm tuổi, 01 cây măng cụt 02 năm tuổi, 01 cây xoài 04 năm tuổi, 01 cây chôm chôm 02 năm tuổi, 01 cây nhãn 04 năm tuổi, 01 cây tre, 02 cây tầm vong, 17 cây chuối có trái, 183 cây chuối chưa có trái, 02 cây dừa sấp 08 năm tuổi, 02 cây dừa sấp 05 năm tuổi, 04 cây dừa sấp 04 năm tuổi, 01 cây dừa sấp 03 năm tuổi, 12 cây dừa sấp 02 năm tuổi và 26 trụ đá (mỗi trụ đá dài 02 mét). Tổng cộng giá trị tài sản bị thiệt hại là 41.570.000 đồng.

Nay, ông bà yêu cầu 06 bị đơn phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền 41.570.000 đồng.

** Các bị đơn ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V, ông Võ Văn H và anh Võ Văn S trình bày:*

Các bị đơn thừa nhận hàng rào và các loại cây trồng trên thửa đất số 442, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.160 m², loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp A2, xã A, huyện C là của ông S và bà N. Thừa nhận vào ngày 15 và ngày 17/8/2015 có đến đập phá hàng rào và chặt một số cây trồng của ông S và bà N để chôn cất người thân trong gia đình. Nay ông S và bà N yêu cầu bồi thường thiệt hại các bị đơn không đồng ý, vì cho rằng đây là đất nghĩa địa không phải là đất của ông S, bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2017

của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè đã xử:

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông S và bà N giá trị tài sản bị xâm phạm là 605.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải bồi thường cho ông S và bà N giá trị tài sản bị xâm phạm là 625.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho ông S và bà N giá trị tài sản bị xâm phạm là 27.000 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn V phải bồi thường cho ông S và bà N giá trị tài sản bị xâm phạm là 300.000 đồng.

- Buộc ông Võ Văn H phải bồi thường cho ông S và bà N giá trị tài sản bị xâm phạm là 40.000 đồng.

- Buộc anh Võ Văn S phải bồi thường cho ông S và bà N giá trị tài sản bị xâm phạm là 120.000 đồng.

Buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Phạm Văn S và bà Lưu Thị Bé N giá trị tài sản bị xâm phạm là 6.665.000 đồng

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá, án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/10/2017 ông T1, anh V kháng cáo không đồng ý bồi thường cho ông S và bà N như án sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm cho các ông không phải bồi thường tiền cho ông S và bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Về mặt pháp lý thì thửa đất số 442 diện tích 1.160m² loại đất nghĩa địa có liên quan trong vụ án Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn S đứng tên đại diện hộ, bà Lưu Thị Bé N vợ ông S là thành viên hộ gia đình. Tài sản trên thửa đất số 442 do vợ chồng ông S và bà N tạo lập. Án sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn T1 gây thiệt hại cho nguyên đơn 03 trụ đá, 02 cây dái ngựa nhỏ, 14 cây chuối và 03 cây dừa mới trồng; xác định anh Nguyễn Văn V gây thiệt hại cho ông Sáu và bà Năm 02 cây dái ngựa nhỏ, 03 cây dừa mới trồng. Ngoài ra, ông T1, anh V còn tham gia với 04 bị đơn khác như ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Võ Văn H và anh Võ Văn S gây thiệt hại cho ông S và bà N một số tài sản khác như án sơ thẩm đã xác định. Từ việc xác định người gây thiệt hại và tài sản bị thiệt hại, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông T1, anh V phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng

dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 và anh Nguyễn Văn V, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tài sản bị thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn S và bà Lưu Thị Bé N. Việc này được chứng minh qua lời khai thống nhất của các đương sự trong vụ án.

[2] Ngày 15 và ngày 17 tháng 8 năm 2015, 06 bị đơn gồm: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V, ông Võ Văn H và anh Võ Văn S đã có hành vi chặt phá tài sản của nguyên đơn. Hành vi này là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là người tạo lập ra tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả thẩm định, kết quả định giá tài sản bị xâm hại của cơ quan chuyên môn, xác định các bị đơn đã gây thiệt hại về tài sản của nguyên đơn với tổng số tiền 8.382.000 đồng là có căn cứ pháp lý.

[3] Tại khoản 1, Điều 584 của Bộ luật dân sự quy định: *“Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”*. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định này của pháp luật, xác định ông Nguyễn Văn T1 gây thiệt hại cho nguyên đơn 03 trụ đá, 02 cây dái ngựa nhỏ, 14 cây chuối và 03 cây dừa mới trồng; xác định anh Nguyễn Văn V gây thiệt hại cho nguyên đơn 02 cây dái ngựa nhỏ, 03 cây dừa mới. Ngoài ra, ông T1, anh V còn tham gia với 04 bị đơn khác như ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Võ Văn H và anh Võ Văn S gây thiệt hại cho ông S và bà N một số tài sản khác nhưng không xác định được cụ thể từng loại tài sản bị thiệt hại do người nào gây ra. Từ việc xem xét trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm liên đới của người phải có nghĩa vụ bồi thường, cấp sơ thẩm xử buộc ông T bồi thường cho ông S và bà N số tiền 625.000 đồng, buộc anh V bồi thường cho ông S và bà N số tiền 300.000 đồng, buộc trách nhiệm liên đới 06 bị đơn bồi thường cho ông S và bà N tổng số tiền 6.665.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của ông T1, anh V không có cơ sở pháp lý nên không được Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết thỏa đáng. Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH XII ngày 27/02/2009 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 và anh Nguyễn Văn V, giữ nguyên án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Buộc những người có tên dưới đây phải bồi thường cho ông Phạm Văn S và bà Lưu Thị Bé N số tiền cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn T1 số tiền 625.000 đồng (*sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

- Anh Nguyễn Văn V số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn T số tiền 605.000 đồng (*sáu trăm lẻ năm ngàn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn Đ số tiền 27.000 đồng (*hai mươi bảy ngàn đồng*).

- Ông Võ Văn H số tiền 40.000 đồng (*bốn mươi ngàn đồng*).

- Anh Võ Văn S số tiền 120.000 đồng (*một trăm hai mươi ngàn đồng*).

Buộc ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V, ông Võ Văn H và anh Võ Văn S có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Phạm Văn S và bà Lưu Thị Bé N số tiền 6.665.000 đồng (*sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V, ông Võ Văn H và anh Võ Văn S mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông T, ông T1, ông Đ, anh V, ông H và anh S liên đới chịu 333.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Phạm Văn S và bà Lưu Thị Bé N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.659.400 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.039.000 đồng theo biên lai thu số 0006824 ngày 17/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Ông Phạm Văn S và bà Lưu Thị Bé N còn phải nộp thêm số tiền 620.400 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng do ông T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013404 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè được trừ vào tiền án phí ông T1 phải chịu. Ông T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng do anh V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013403 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè được trừ vào tiền án phí anh V phải chịu. Anh V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Phạm Văn S, bà Lưu Thị Bé N chịu 425.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V, ông Võ Văn H và anh Võ Văn S chịu 425.000 đồng. Do ông S và bà N đã nộp tạm ứng trước số tiền là 850.000 đồng, nên số tiền 425.000 đồng thu từ ông T, ông T1, ông Đ, anh V, ông H và anh S được giao trả cho ông S và bà N.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực

